

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 554/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 07/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 29/8/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Nông Tuấn Anh	18/03/2000	Quảng Ninh	Nam	Tày	6,5	8,0	DBG003709	CNTT/20/3739	Đạt	
2	CNTT02	Hoàng Thị Minh Ánh	01/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,0	7,0	DBG003710	CNTT/20/3740	Đạt	
3	CNTT03	Hoàng Trọng Bảo	05/06/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,7	5,0	DBG003711	CNTT/20/3741	Đạt	
4	CNTT04	Bàn Văn Chiến	12/09/2000	Bắc Giang	Nam	Dao	5,0	5,0	DBG003712	CNTT/20/3742	Đạt	
5	CNTT05	Vì Thị Chuyên	20/06/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003713	CNTT/20/3743	Đạt	
6	CNTT09	Trần Bá Giang	21/08/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,0	DBG003714	CNTT/20/3744	Đạt	
7	CNTT10	Nguyễn Thị Thu Hà	01/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003715	CNTT/20/3745	Đạt	
8	CNTT12	Nguyễn Ngọc Hải	05/08/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,0	7,5	DBG003716	CNTT/20/3746	Đạt	
9	CNTT13	Nguyễn Văn Hải	06/02/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	5,0	DBG003717	CNTT/20/3747	Đạt	
10	CNTT14	Ngô Thị Hạnh	02/02/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003718	CNTT/20/3748	Đạt	
11	CNTT15	Phạm Công Hào	27/07/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	DBG003719	CNTT/20/3749	Đạt	
12	CNTT16	Trần Hữu Hiền	08/08/1966	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,5	DBG003720	CNTT/20/3750	Đạt	
13	CNTT18	Chu Thị Huệ	18/12/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	DBG003721	CNTT/20/3751	Đạt	
14	CNTT19	Hà Huy Hùng	25/08/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	DBG003722	CNTT/20/3752	Đạt	
15	CNTT20	Nguyễn Thanh Hương	24/05/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,0	DBG003723	CNTT/20/3753	Đạt	
16	CNTT21	Phạm Ngọc Lâm	17/09/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	5,0	DBG003724	CNTT/20/3754	Đạt	
17	CNTT22	Đỗ Mai Linh	05/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,5	DBG003725	CNTT/20/3755	Đạt	
18	CNTT23	Trần Thị Ái Linh	03/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG003726	CNTT/20/3756	Đạt	
19	CNTT25	Nguyễn Tuấn Mạnh	04/08/1999	Hà Nam	Nam	Kinh	7,5	6,5	DBG003727	CNTT/20/3757	Đạt	
20	CNTT27	Phan Thị Nga	15/11/2000	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,7	8,5	DBG003728	CNTT/20/3758	Đạt	
21	CNTT28	Đỗ Thị Ngân	29/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	DBG003729	CNTT/20/3759	Đạt	
22	CNTT29	Hoàng Giang Nghĩa	27/07/1997	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,2	5,0	DBG003730	CNTT/20/3760	Đạt	
23	CNTT30	Nguyễn Hồng Nhung	17/09/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,0	DBG003731	CNTT/20/3761	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT32	Vi Văn	Phúc	28/08/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	6,5	DBG003732	CNTT/20/3762	Đạt	
25	CNTT33	Trần Thu	Phuong	25/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,0	5,5	DBG003733	CNTT/20/3763	Đạt	
26	CNTT34	Vi Thị	Phượng	18/05/2000	Bắc Giang	Nữ	Nùng	8,5	9,0	DBG003734	CNTT/20/3764	Đạt	
27	CNTT36	Lê Thị	Quỳnh	16/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	8,0	DBG003735	CNTT/20/3765	Đạt	
28	CNTT38	Hà Anh	Son	11/12/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	6,2	7,5	DBG003736	CNTT/20/3766	Đạt	
29	CNTT39	Nguyễn Hồng	Son	22/11/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	5,0	DBG003737	CNTT/20/3767	Đạt	
30	CNTT40	Đào Thị Thanh	Thảo	14/11/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG003738	CNTT/20/3768	Đạt	
31	CNTT41	Trương Tuấn	Thảo	06/12/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	5,0	DBG003739	CNTT/20/3769	Đạt	
32	CNTT42	Nguyễn Hữu	Thắng	27/01/1976	Hà Nội	Nam	Kinh	5,2	7,0	DBG003740	CNTT/20/3770	Đạt	
33	CNTT43	Nguyễn Văn	Thuật	21/06/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	5,0	DBG003741	CNTT/20/3771	Đạt	
34	CNTT45	Nông Văn	Toàn	13/07/1996	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	DBG003742	CNTT/20/3772	Đạt	
35	CNTT46	Nguyễn Văn	Tới	23/05/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	7,0	DBG003743	CNTT/20/3773	Đạt	
36	CNTT47	Tạ Thị Minh	Trang	02/02/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	8,5	DBG003744	CNTT/20/3774	Đạt	
37	CNTT49	Chu Bá	Tuyến	22/07/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	DBG003745	CNTT/20/3775	Đạt	
38	CNTT50	Trần Thanh	Tuyến	11/04/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	DBG003746	CNTT/20/3776	Đạt	
39	CNTT51	Nguyễn Văn	Tuyền	06/12/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	DBG003747	CNTT/20/3777	Đạt	
40	CNTT53	Dương Thị	Bách	08/07/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003748	CNTT/20/3778	Đạt	
41	CNTT54	Trần Thị	Chinh	05/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003749	CNTT/20/3779	Đạt	
42	CNTT55	Trần Thị	Chuyên	05/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003750	CNTT/20/3780	Đạt	
43	CNTT56	Bùi Thị	Dền	28/04/1990	Hòa Bình	Nữ	Mường	7,2	6,5	DBG003751	CNTT/20/3781	Đạt	
44	CNTT57	Hoàng Thị	Giang	24/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003752	CNTT/20/3782	Đạt	
45	CNTT58	Hoàng Thị	Hà	09/04/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG003753	CNTT/20/3783	Đạt	
46	CNTT59	Lê Thị	Hà	27/02/1991	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	8,7	6,5	DBG003754	CNTT/20/3784	Đạt	
47	CNTT60	Nguyễn Thị	Hà	08/08/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003755	CNTT/20/3785	Đạt	
48	CNTT62	Phạm Thị	Hậu	27/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003756	CNTT/20/3786	Đạt	
49	CNTT63	Tô Thị	Hậu	19/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003757	CNTT/20/3787	Đạt	
50	CNTT64	Hoàng Thị	Hiên	22/03/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	DBG003758	CNTT/20/3788	Đạt	
51	CNTT65	Hoàng Thị Thu	Hiên	30/10/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003759	CNTT/20/3789	Đạt	
52	CNTT66	Trần Thị	Hiên	19/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003760	CNTT/20/3790	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
53	CNTT67	Hà Thị Hiền	24/07/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003761	CNTT/20/3791	Đạt	
54	CNTT68	Như Thị Huyền	06/03/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003762	CNTT/20/3792	Đạt	
55	CNTT69	Nguyễn Thị Hương	02/10/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003763	CNTT/20/3793	Đạt	
56	CNTT71	Phạm Thị Hường	01/10/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003764	CNTT/20/3794	Đạt	
57	CNTT72	Hoàng Thị Lan	05/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	9,0	DBG003765	CNTT/20/3795	Đạt	
58	CNTT73	Lê Thị Lan	04/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003766	CNTT/20/3796	Đạt	
59	CNTT74	Tường Thị Ngọc Liên	12/12/1994	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003767	CNTT/20/3797	Đạt	
60	CNTT75	Nguyễn Thị Linh	03/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003768	CNTT/20/3798	Đạt	
61	CNTT76	Nguyễn Thị Kim Loan	26/03/1974	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003769	CNTT/20/3799	Đạt	
62	CNTT77	Hoàng Thị Luyện	08/06/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003770	CNTT/20/3800	Đạt	
63	CNTT78	Dương Thị Mến	08/01/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003771	CNTT/20/3801	Đạt	
64	CNTT80	Nguyễn Thị Mơ	19/01/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003772	CNTT/20/3802	Đạt	
65	CNTT81	Vũ Thị Mùi	15/12/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003773	CNTT/20/3803	Đạt	
66	CNTT82	Trần Ly Na	10/04/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003774	CNTT/20/3804	Đạt	
67	CNTT83	Nguyễn Thị Ngát	23/03/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003775	CNTT/20/3805	Đạt	
68	CNTT84	Ngô Thị Thúy Ngân	31/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003776	CNTT/20/3806	Đạt	
69	CNTT85	Lê Thị Ngọc	16/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG003777	CNTT/20/3807	Đạt	
70	CNTT86	Nguyễn Thị Ngọc	05/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003778	CNTT/20/3808	Đạt	
71	CNTT87	Lê Thị Lan Nhi	27/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003779	CNTT/20/3809	Đạt	
72	CNTT88	Hoàng Thị Nôi	01/08/1984	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,7	7,0	DBG003780	CNTT/20/3810	Đạt	
73	CNTT89	Hà Kiều Oanh	09/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003781	CNTT/20/3811	Đạt	
74	CNTT90	Hoàng Thị Minh Phương	02/09/1976	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,5	6,5	DBG003782	CNTT/20/3812	Đạt	
75	CNTT91	Vũ Thị Phương	01/01/1997	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	7,5	DBG003783	CNTT/20/3813	Đạt	
76	CNTT92	Vũ Thị Phương	06/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003784	CNTT/20/3814	Đạt	
77	CNTT93	Trần Thị Quyên	14/08/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG003785	CNTT/20/3815	Đạt	
78	CNTT95	Lê Thị Sinh	13/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003786	CNTT/20/3816	Đạt	
79	CNTT96	Nguyễn Thị Tâm	18/06/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003787	CNTT/20/3817	Đạt	
80	CNTT97	Ngô Thị Thắm	06/02/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	DBG003788	CNTT/20/3818	Đạt	
81	CNTT98	Vũ Đình Thi	24/04/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG003789	CNTT/20/3819	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
82	CNTT100	Nguyễn Thị Thúy	10/01/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	DBG003790	CNTT/20/3820	Đạt	
83	CNTT101	Vũ Thị Diệu Thúy	23/07/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003791	CNTT/20/3821	Đạt	
84	CNTT102	Nguyễn Thị Thùy	19/08/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003792	CNTT/20/3822	Đạt	
85	CNTT103	Nguyễn Thu Thuyên	17/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG003793	CNTT/20/3823	Đạt	
86	CNTT104	Phạm Thị Tuyết	28/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,0	6,5	DBG003794	CNTT/20/3824	Đạt	
87	CNTT105	Nguyễn Thị Uyên	24/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003795	CNTT/20/3825	Đạt	
88	CNTT106	Phùng Thị Thúy Vân	28/06/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003796	CNTT/20/3826	Đạt	
89	CNTT109	Nguyễn Thị Hải Yến	15/04/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003797	CNTT/20/3827	Đạt	
90	CNTT110	Nông Thị Yến	07/06/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003798	CNTT/20/3828	Đạt	
91	CNTT111	Trần Thị Ngọc Ánh	07/07/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003799	CNTT/20/3829	Đạt	
92	CNTT112	Nguyễn Thị Cúc	18/10/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003800	CNTT/20/3830	Đạt	
93	CNTT113	Nguyễn Thu Cúc	30/08/1995	Hà Nam	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003801	CNTT/20/3831	Đạt	
94	CNTT114	Trần Thị Duyên	25/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003802	CNTT/20/3832	Đạt	
95	CNTT115	Tạ Văn Dự	14/09/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG003803	CNTT/20/3833	Đạt	
96	CNTT116	Nguyễn Thị Đề	02/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	DBG003804	CNTT/20/3834	Đạt	
97	CNTT117	Nguyễn Văn Đông	13/08/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	DBG003805	CNTT/20/3835	Đạt	
98	CNTT118	Phùng Trung Đức	11/12/1996	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7,0	7,5	DBG003806	CNTT/20/3836	Đạt	
99	CNTT119	Vũ Hà Giang	03/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	DBG003807	CNTT/20/3837	Đạt	
100	CNTT120	Nguyễn Ngọc Hà	18/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	DBG003808	CNTT/20/3838	Đạt	
101	CNTT121	Nguyễn Thị Hà	03/02/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003809	CNTT/20/3839	Đạt	
102	CNTT122	Nguyễn Thị Hà	26/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003810	CNTT/20/3840	Đạt	
103	CNTT123	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	17/10/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003811	CNTT/20/3841	Đạt	
104	CNTT124	Nguyễn Thị Hằng	20/05/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003812	CNTT/20/3842	Đạt	
105	CNTT125	Vũ Thị Hằng	19/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003813	CNTT/20/3843	Đạt	
106	CNTT126	Giáp Thị Hiên	20/01/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003814	CNTT/20/3844	Đạt	
107	CNTT127	Thân Thu Hiền	30/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	DBG003815	CNTT/20/3845	Đạt	
108	CNTT128	Lưu Thị Hoa	29/09/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003816	CNTT/20/3846	Đạt	
109	CNTT129	Nguyễn Thị Huế	26/11/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003817	CNTT/20/3847	Đạt	
110	CNTT130	Phạm Thị Huệ	15/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003818	CNTT/20/3848	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
111	CNTT131	Từ Thị Huệ	15/05/1990	Bắc Giang	Nữ	Sán Diu	6,7	7,5	DBG003819	CNTT/20/3849	Đạt	
112	CNTT132	Nguyễn Thị Hương	12/08/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003820	CNTT/20/3850	Đạt	
113	CNTT133	Trần Thị Ngọc Khánh	17/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003821	CNTT/20/3851	Đạt	
114	CNTT134	Nguyễn Văn Kỉnh	05/05/1975	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	DBG003822	CNTT/20/3852	Đạt	
115	CNTT135	Nguyễn Thị Lành	11/08/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	DBG003823	CNTT/20/3853	Đạt	
116	CNTT136	Ninh Thị Thùy Liên	08/03/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003824	CNTT/20/3854	Đạt	
117	CNTT137	Đặng Lê Khánh Linh	17/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG003825	CNTT/20/3855	Đạt	
118	CNTT138	Phan Thị Thanh Loan	15/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003826	CNTT/20/3856	Đạt	
119	CNTT139	Nguyễn Thị Luân	23/04/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003827	CNTT/20/3857	Đạt	
120	CNTT140	Nguyễn Thị Mùi	11/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	DBG003828	CNTT/20/3858	Đạt	
121	CNTT141	Nguyễn Thị Nga	10/05/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003829	CNTT/20/3859	Đạt	
122	CNTT142	Phạm Thị Nga	22/01/1988	Hà Nam	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003830	CNTT/20/3860	Đạt	
123	CNTT143	Hà Thị Ngân	29/04/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	DBG003831	CNTT/20/3861	Đạt	
124	CNTT144	Đặng Thị Ngàn	04/01/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	DBG003832	CNTT/20/3862	Đạt	
125	CNTT145	Nguyễn Thị Nguyên	18/12/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003833	CNTT/20/3863	Đạt	
126	CNTT146	Dương Thị Minh Phương	01/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003834	CNTT/20/3864	Đạt	
127	CNTT147	Hà Văn Phượng	05/10/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	DBG003835	CNTT/20/3865	Đạt	
128	CNTT148	Dương Thị Thanh	10/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003836	CNTT/20/3866	Đạt	
129	CNTT149	Ngô Thị Thảo	01/07/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003837	CNTT/20/3867	Đạt	
130	CNTT150	Nguyễn Thị Thơm	11/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003838	CNTT/20/3868	Đạt	
131	CNTT151	Ngô Thị Thanh Thúy	01/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003839	CNTT/20/3869	Đạt	
132	CNTT152	Trần Thị Thu Thủy	02/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Sán Diu	6,5	7,5	DBG003840	CNTT/20/3870	Đạt	
133	CNTT153	Trương Thị Thương	22/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003841	CNTT/20/3871	Đạt	
134	CNTT154	Phạm Hương Trà	21/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	6,5	DBG003842	CNTT/20/3872	Đạt	
135	CNTT155	Khổng Thị Minh Trang	03/12/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	DBG003843	CNTT/20/3873	Đạt	
136	CNTT156	Trần Thùy Trang	01/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,5	DBG003844	CNTT/20/3874	Đạt	
137	CNTT157	Phạm Văn Trường	08/08/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG003845	CNTT/20/3875	Đạt	
138	CNTT159	Nguyễn Thị Tuyết	22/10/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG003846	CNTT/20/3876	Đạt	
139	CNTT160	Vũ Thị Tuyết	25/09/1991	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,5	DBG003847	CNTT/20/3877	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
140	CNTT161	Tô Thị Tố Uyên	25/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	6,5	DBG003848	CNTT/20/3878	Đạt	
141	CNTT162	Đào Thị Cẩm Vân	07/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003849	CNTT/20/3879	Đạt	
142	CNTT163	Giáp Thị Vui	10/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG003850	CNTT/20/3880	Đạt	
143	CNTT164	Phùng Thị Xuyên	10/01/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,5	DBG003851	CNTT/20/3881	Đạt	
144	CNTT165	Dương Thị Hải Yến	08/03/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003852	CNTT/20/3882	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

144

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2020

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang